

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất 43 lô đất ở,
Mặt bằng quy hoạch điểm dân cư năm 2018, năm 2021, xã Hợp Thắng**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 09/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 Thông tư liên tịch của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản; số 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quy định đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Mặt bằng quy hoạch chi tiết điểm dân cư năm 2018 khu dân cư từ Nhà văn hóa thôn 4 đi Làng Dừa, xã Hợp Thắng được Chủ tịch UBND huyện phê duyệt ngày 04/9/2018; Quyết định số 5590/QĐ-UBND ngày 04/9/2018 của UBND huyện về việc phê duyệt mặt bằng quy hoạch chi tiết điểm dân cư năm 2018 khu dân cư từ Nhà văn hóa thôn 4 đi Làng Dừa, xã Hợp Thắng;

Căn cứ Mặt bằng quy hoạch chi tiết điểm dân cư thôn Châu Cương, xã Hợp Thắng được Chủ tịch UBND huyện phê duyệt ngày 11/5/2021; Quyết định

số 2165/QĐ-UBND ngày 11/5/2021 của UBND huyện về việc phê duyệt Mặt bằng quy hoạch chi tiết điểm dân cư thôn Châu Cường, xã Hợp Thắng;

Căn cứ Quyết định số 6410/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 của UBND huyện Triệu Sơn về việc phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất 45 lô đất ở, Mặt bằng quy hoạch điểm dân cư năm 2018, năm 2021, xã Hợp Thắng;

Căn cứ Quyết định số 6544/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 của UBND huyện Triệu Sơn về việc đấu giá quyền sử dụng đất 45 lô đất ở, Mặt bằng quy hoạch điểm dân cư năm 2018, năm 2021, xã Hợp Thắng;

Căn cứ Quyết định số 7134/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của UBND huyện về việc phê duyệt Phương án giá đất cụ thể làm căn cứ xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất 45 lô đất ở, Mặt bằng quy hoạch điểm dân cư năm 2018, năm 2021, xã Hợp Thắng;

Xét đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1645/TTr-TNMT ngày 17/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất 43 lô đất ở, Mặt bằng quy hoạch điểm dân cư năm 2018, năm 2021, xã Hợp Thắng, cụ thể:

1. Thông tin chung về khu đất

- Vị trí, ranh giới khu đất xác định theo Mặt bằng quy hoạch chi tiết điểm dân cư năm 2018 khu dân cư từ Nhà văn hóa thôn 4 đi Làng Dừa, xã Hợp Thắng được Chủ tịch UBND huyện phê duyệt ngày 04/9/2018 và Mặt bằng quy hoạch chi tiết điểm dân cư thôn Châu Cường, xã Hợp Thắng được Chủ tịch UBND huyện phê duyệt ngày 11/5/2021.

- Tổng diện tích 43 lô đất: 6.175 m².

- Mục đích sử dụng đất: Đất ở.

- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.

- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

2. Nộp tiền sử dụng đất

- Tổng số tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất: 26.822.562.000 đồng - Chi tiết có danh sách kèm theo.

Người trúng đấu giá nộp tiền sử dụng đất trúng đấu giá theo quy định tại Điều 10.1, Khoản 10, Điều 1, Quyết định số 6410/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 của UBND huyện Triệu Sơn về việc phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất 45 lô đất ở, Mặt bằng quy hoạch điểm dân cư năm 2018, năm 2021, xã Hợp Thắng.

- Tài khoản nộp tiền trúng đấu giá: Tài khoản số: 3941, mã quan hệ ngân sách: 9061902 của Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện Triệu Sơn mở tại Kho bạc Nhà nước Triệu Sơn.

3. Thù lao dịch vụ đấu giá: 107.819.000 đồng (đã bao gồm VAT = 10%, chưa trừ tiền bán hồ sơ).

Điều 2. Căn cứ Điều 1 Quyết định này, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm:

1. Chi cục thuế khu vực Triệu Sơn - Nông Cống (gọi tắt là: Chi cục Thuế): Chủ trì, phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường, cùng các đơn vị liên quan thông báo cho người trúng đấu giá nộp tiền sử dụng đất trúng đấu giá, lệ phí vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

2. UBND xã Hợp Thắng

- Phối hợp với Chi cục Thuế thông báo cho người trúng đấu giá nộp tiền sử dụng đất trúng đấu giá, lệ phí vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

- Hướng dẫn các hộ gia đình, cá nhân lập hồ sơ xin giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để trình UBND huyện xét duyệt, sau khi các hộ đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo quy định.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch: Theo dõi tiến độ nộp tiền sử dụng đất của người trúng đấu giá; phối hợp với Chi cục Thuế, UBND xã Hợp Thắng đôn đốc người trúng đấu giá nộp đầy đủ tiền sử dụng đất trúng đấu giá, lệ phí vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

4. Phòng Tài nguyên và Môi trường: Chỉ đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Triệu Sơn chuyên thông tin xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai đến Chi cục Thuế để thông báo cho người trúng đấu giá nộp tiền sử dụng đất, lệ phí vào ngân sách Nhà nước theo quy định; phối hợp với UBND xã Hợp Thắng tổ chức bàn giao đất trên thực địa cho người trúng đấu giá và tham mưu cho UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người trúng đấu giá sau khi đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Người trúng đấu giá có tên tại Điều 1, Quyết định: Thực hiện nộp đầy đủ tiền sử dụng đất trúng đấu giá, lệ phí vào ngân sách Nhà nước đúng thời gian quy định.

6. Công ty Đấu giá hợp danh Hàm Rồng

- Phối hợp với Chi cục Thuế thông báo cho người trúng đấu giá nộp tiền sử dụng đất trúng đấu giá, lệ phí vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

- Nộp tiền đặt cọc của người trúng đấu giá vào Tài khoản số: 3941, mã quan hệ ngân sách: 9061902 của Phòng Tài chính - Kế hoạch mở tại Kho bạc Nhà nước Triệu Sơn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch; Tài nguyên và Môi trường; Chi cục trưởng Chi cục Thuế; Giám đốc Kho

bạc Nhà nước Triệu Sơn; Chủ tịch UBND xã Hợp Thắng; Giám đốc Công ty đấu giá hợp danh Hàm Rồng; người trúng đấu giá có tên tại Điều 1; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ (t/hiện);
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Bùi Huy Dũng

DANH SÁCH CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN TRÚNG ĐẦU GIÁ QSD ĐẤT
TẠI MẶT BẰNG QUY HOẠCH ĐIỂM DÂN CƯ NĂM 2018, NĂM 2021, XÃ HỢP THẮNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2021 của UBND huyện Triệu Sơn)

TT	Họ và tên	Số CMND/ CCCD	Địa chỉ	Lô đất số	Diện tích (m2)	Giá trúng đầu giá (đồng)	Tiền đặt cọc đã nộp (đồng)	Số tiền còn phải nộp (đồng)
I	MBQH chi tiết điểm dân cư thôn Châu Cương				1.875,0	16.542.907.000	2.432.000.000	14.110.907.000
1	Trần Thị Sinh	038 170 025 012	Thôn Châu Cương, xã Hợp Thắng	Lô 01	125,0	1.315.007.000	192.000.000	1.123.007.000
2	Đình Trọng Hiền	038 081 012 338	Tổ dân phố Tri Hòa, thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương	Lô 02	125,0	1.086.000.000	160.000.000	926.000.000
3	Nguyễn Đình Thôn	173 007 524	Khu phố Nhuệ Sâm, thị trấn Rừng Thông, huyện Đông Sơn	Lô 03	125,0	1.086.600.000	160.000.000	926.600.000
4	Nguyễn Đình Thôn	173 007 524	Khu phố Nhuệ Sâm, thị trấn Rừng Thông, huyện Đông Sơn	Lô 04	125,0	1.090.600.000	160.000.000	930.600.000
5	Đình Trọng Hiền	038 081 012 338	Tổ dân phố Tri Hòa, thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương	Lô 05	125,0	1.069.600.000	160.000.000	909.600.000
6	Đình Trọng Hiền	038 081 012 338	Tổ dân phố Tri Hòa, thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương	Lô 06	125,0	1.072.000.000	160.000.000	912.000.000
7	Nguyễn Đình Thôn	173 007 524	Phố Nhuệ Sâm, thị trấn Rừng Thông, huyện Đông Sơn	Lô 07	125,0	1.100.000.000	160.000.000	940.000.000
8	Nguyễn Đình Thôn	173 007 524	Khu phố Nhuệ Sâm, thị trấn Rừng Thông, huyện Đông Sơn	Lô 08	125,0	1.102.000.000	160.000.000	942.000.000
9	Đình Trọng Hiền	038 081 012 338	Tổ dân phố Tri Hòa, thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương	Lô 09	125,0	1.076.000.000	160.000.000	916.000.000
10	Đình Trọng Hiền	038 081 012 338	Tổ dân phố Tri Hòa, thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương	Lô 10	125,0	1.076.000.000	160.000.000	916.000.000
11	Trần Thị Ái	038 188 017 518	Phố Tân Phong, thị trấn Triệu Sơn	Lô 11	125,0	1.115.100.000	160.000.000	955.100.000
12	Nguyễn Đình Thôn	173 007 524	Khu phố Nhuệ Sâm, thị trấn Rừng Thông, huyện Đông Sơn	Lô 12	125,0	1.096.200.000	160.000.000	936.200.000
13	Đình Trọng Hiền	038 081 012 338	Tổ dân phố Tri Hòa, thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương	Lô 13	125,0	1.082.000.000	160.000.000	922.000.000
14	Đình Trọng Hiền	038 081 012 338	Tổ dân phố Tri Hòa, thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương	Lô 14	125,0	1.079.000.000	160.000.000	919.000.000
15	Nguyễn Đình Thôn	173 007 524	Khu phố Nhuệ Sâm, thị trấn Rừng Thông, huyện Đông Sơn	Lô 15	125,0	1.096.800.000	160.000.000	936.800.000

TT	Họ và tên	Số CMND/ CCCD	Địa chỉ	Lô đất số	Diện tích (m ²)	Giá trúng đấu giá (đồng)	Tiền đặt cọc đã nộp (đồng)	Số tiền còn phải nộp (đồng)
II	MBQH dân cư 2018 từ nhà văn hóa thôn 4 đi Làng Dừa				4.300,0	10.279.655.000	1.462.920.000	8.816.735.000
16	Lê Thị Thắm	172 623 377	Số 12/13 Tân Thảo, phường Phú Sơn, TP Thanh Hóa	Lô 01	150,0	418.900.000	55.110.000	363.790.000
17	Lê Thị Nguyên	038 176 023 343	Thôn Tân Đại, xã Đông Hoà, huyện Đông Sơn	Lô 02	150,0	327.200.000	50.100.000	277.100.000
18	Lê Thị Nguyên	038 176 023 343	Thôn Tân Đại, xã Đông Hoà, huyện Đông Sơn	Lô 03	150,0	327.200.000	50.100.000	277.100.000
19	Lê Thị Thắm	172 623 377	Số 12/13 Tân Thảo, phường Phú Sơn, TP Thanh Hóa	Lô 04	150,0	362.200.000	50.100.000	312.100.000
20	Lê Thị Thắm	172 623 377	Số 12/13 Tân Thảo, phường Phú Sơn, TP Thanh Hóa	Lô 05	150,0	366.200.000	50.100.000	316.100.000
21	Lê Thị Nguyên	038 176 023 343	Thôn Tân Đại, xã Đông Hoà, huyện Đông Sơn	Lô 06	150,0	327.500.000	50.100.000	277.400.000
22	Lê Thị Nguyên	038 176 023 343	Thôn Tân Đại, xã Đông Hoà, huyện Đông Sơn	Lô 07	150,0	327.200.000	50.100.000	277.100.000
23	Lê Thị Thắm	172 623 377	Số 12/13 Tân Thảo, phường Phú Sơn, TP Thanh Hóa	Lô 08	150,0	369.500.000	50.100.000	319.400.000
24	Lê Thị Thắm	172 623 377	Số 12/13 Tân Thảo, phường Phú Sơn, TP Thanh Hóa	Lô 09	150,0	368.900.000	50.100.000	318.800.000
25	Lê Minh Hưng	172 314 534	Số 39, phố Giắt, thị trấn Triệu Sơn	Lô 10	150,0	379.500.000	50.100.000	329.400.000
26	Hoàng Khắc Hùng	038 083 044 520	Thôn 8, xã Vân Sơn	Lô 11	150,0	329.200.000	50.100.000	279.100.000
27	Hoàng Khắc Hùng	038 083 044 520	Thôn 8, xã Vân Sơn	Lô 12	150,0	329.600.000	50.100.000	279.500.000
28	Lê Minh Hưng	172 314 534	Số 39, phố Giắt, thị trấn Triệu Sơn	Lô 13	150,0	422.500.000	55.110.000	367.390.000
29	Lê Minh Hưng	172 314 534	Số 39, phố Giắt, thị trấn Triệu Sơn	Lô 14	175,0	452.600.000	64.295.000	388.305.000
30	Lê Thị Huế	172 948 338	Thôn Tân Thắng 1, xã Hợp Thắng	Lô 15	175,0	386.869.000	58.450.000	328.419.000
31	Lê Thị Thắm	172 623 377	Số 12/13 Tân Thảo, phường Phú Sơn, TP Thanh Hóa	Lô 16	150,0	385.200.000	50.100.000	335.100.000
32	Phùng Thị Vân Anh	172 876 205	Lô 144, MBQH 1226 XD/UBND phường Quảng Hưng, TP Thanh Hóa	Lô 17	150,0	356.100.000	50.100.000	306.000.000
33	Trần Đăng Cẩn	172 345 091	Thôn 4, xã Dân Lý	Lô 18	175,0	372.600.000	58.450.000	314.150.000
34	Lê Thị Thắm	172 623 377	Số 12/13 Tân Thảo, phường Phú Sơn, TP Thanh Hóa	Lô 19	175,0	436.286.000	64.295.000	371.991.000
35	Phạm Thị Thuỳ Linh	036 190 005 788	Số 11/312 Bà Triệu, phường Đông Thọ, TP Thanh Hóa	Lô 20	150,0	413.000.000	55.110.000	357.890.000
36	Phạm Thị Thuỳ Linh	036 190 005 788	Số 11/312 Bà Triệu, phường Đông Thọ, TP Thanh Hóa	Lô 21	150,0	376.000.000	50.100.000	325.900.000
37	Lê Văn Phan	038 052 002 165	Thôn Châu Cương, xã Hợp Thắng	Lô 22	150,0	341.200.000	50.100.000	291.100.000

TT	Họ và tên	Số CMND/ CCCD	Địa chỉ	Lô đất số	Diện tích (m ²)	Giá trúng đấu giá (đồng)	Tiền đặt cọc đã nộp (đồng)	Số tiền còn phải nộp (đồng)
38	Lê Thị Thắm	172 623 377	Số 12/13 Tân Thảo, phường Phú Sơn, TP Thanh Hóa	Lô 23	150,0	375.800.000	50.100.000	325.700.000
39	Lê Minh Hưng	172 314 534	Số 39, phố Giắt, thị trấn Triệu Sơn	Lô 24	150,0	342.600.000	50.100.000	292.500.000
40	Lê Minh Hưng	172 314 534	Số 39, phố Giắt, thị trấn Triệu Sơn	Lô 25	150,0	342.600.000	50.100.000	292.500.000
41	Phạm Thị Thuỳ Linh	036 190 005 788	Số 11/312 Bà Triệu, phường Đông Thọ, TP Thanh Hóa	Lô 26	150,0	353.000.000	50.100.000	302.900.000
42	Phạm Thị Thuỳ Linh	036 190 005 788	Số 11/312 Bà Triệu, phường Đông Thọ, TP Thanh Hóa	Lô 27	150,0	363.000.000	50.100.000	312.900.000
43	Trần Đăng Cẩn	172 345 091	Thôn 4, xã Dân Lý	Lô 28	150,0	327.200.000	50.100.000	277.100.000
Tổng cộng					6.175,0	26.822.562.000	3.894.920.000	22.927.642.000